

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chi tiết một số dự toán chi tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số 146/TTr-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết một số dự toán chi tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Cụ thể:

1. Phân bổ chi tiết dự toán chi cho các đơn vị, địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, số tiền: 87.555,393 triệu đồng (Bằng chữ: Tám bảy tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu ba trăm chín ba nghìn đồng). Cụ thể:

a. Kinh phí tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương, tinh giản biên chế: 2.255,618 triệu đồng.

b. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030 theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 58.282 triệu đồng.

c. Kinh phí thưởng thôn đạt chuẩn nông thôn mới: 2.400 triệu đồng.

- d. Kinh phí khuyến công: 3.500 triệu đồng.
- e. Kinh phí xúc tiến thương mại: 3.000 triệu đồng.
- f. Kinh phí đề án, nhiệm vụ mới: 18.117,775 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Phụ lục từ 01-05 đính kèm)

2. Phân bổ chi tiết ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất; ghi chi tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước của các dự án trên địa bàn tỉnh năm 2023 vào niên độ ngân sách nhà nước năm 2024, số tiền: 779.081,947 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 06 đính kèm)

3. Phân bổ chi tiết ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi tạm ứng giá trị thanh toán các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) năm 2023 vào niên độ ngân sách năm 2024, số tiền: 298.388,569 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 07 đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; đồng thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí được phân bổ đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 16 thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thành ủy, thị ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Công thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

**PHÂN BỐ KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ
NĂM 2024**

Nguồn kinh phí: Từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách cấp tỉnh



*Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị, địa phương	Số tiền
	TỔNG CỘNG	2.255,618
1	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	232,752
2	Sở Khoa học và Công nghệ	209,933
3	CD Ngô Gia Tự	267,895
4	Liên minh HTX tỉnh	196,818
5	Thị xã Việt Yên	241,063
6	Huyện Yên Dũng	494,364
7	Huyện Lạng Giang	191,293
8	Huyện Tân Yên	150
9	Huyện Yên Thế	121,5
10	Huyện Sơn Động	150

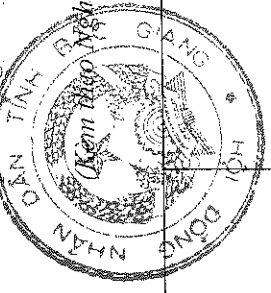
**PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 26/2023/NQ-HĐND NGÀY 14/7/2023 CỦA HỘI ĐỒNG TỈNH BẮC GIANG**

Nguồn kinh phí từ nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh đã bố trí dự toán đầu năm 2024

Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Số tiền	Trong đó: nội dung hỗ trợ						Nội dung hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn
			Hỗ trợ vốn tín dụng	Hỗ trợ tập trung đất đai	Hỗ trợ cơ giới hóa trong nông nghiệp, thủy sản	Hỗ trợ cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp và thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGAP, VietGAHP, GlobalGAP, GACP-WHO, hữu cơ	Hỗ trợ trồng và cây làm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tự nhiên	Nội dung hỗ trợ vùng sản xuất rau hàng hóa tập trung	
	Tổng cộng	58.282	2.500	17.657	22.888	1.825	4.338	6.065	3.009
1	Huyện Sơn Động	7.380		900	3.450	300	2.730		
2	Huyện Lục Ngạn	7.310	800	1.250	1.950	450	1.000	750	1.110
3	Huyện Lục Nam	5.396	1.700	180	1.300	75	608		1.533
4	Huyện Yên Thế	2.291		210	1.390	325			366
5	Huyện Lạng Giang	3.680		600	2.400	100		580	
6	Huyện Tân Yên	14.538		9.930	3.948			660	
7	Thị xã Việt Yên	1.225		150	1.050	25			
8	Huyện Hiệp Hòa	8.142		2.937	4.000	150		1.055	
9	Huyện Yên Dũng	7.990		1.500	3.400	400		2.690	
10	Thành phố Bắc Giang	330						330	



Phụ lục 03

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN ĐỢT 1 NĂM 2024
CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**



(Kế hoạch chi tiết theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

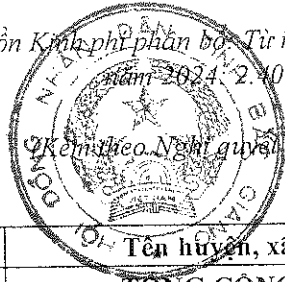
Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn kinh phí phân bổ
	TỔNG CỘNG	20.467,775	
1	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn	5.557,220	
1.1	Chi cục chăn nuôi thú y	308	
	Kinh phí đoàn kiểm tra liên ngành theo QĐ số 110/QĐ-UBND ngày 15/01/2024 của UBND tỉnh v/v thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành cơ động phòng chống dịch động vật tỉnh Bắc Giang năm 2024	308	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
1.2	Chi cục Phát triển nông thôn	5.249,220	
a	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 5/4/2023 quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức KTTT và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức KTTT trên địa bàn tỉnh BG đến năm 2025	329,220	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
b	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 quy định chính sách khuyến khích phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2024-2025	4,920	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
2	Sở Nội vụ	2.100	
	Kinh phí thực hiện Đề án sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị	2.100	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
3	Sở Lao động TB&XH	359	
3.1	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 27/02/2024 của UBND tỉnh tổ chức hội thảo "Thực trạng, giải pháp phát triển nguồn lao động trong ngành công nghiệp bán dẫn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang"	84	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
3.2	Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh về xúc tiến thu hút lao động đến làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	275	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
4	Đài Phát thanh truyền hình	780	
4.1	Kinh phí tuyên truyền tuần lễ văn hóa du lịch tỉnh Bắc Giang năm 2024	40	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
4.2	Sửa đổi, cập nhật, xây dựng video clip cho hoạt động xúc tiến đầu tư chuyên sâu phục vụ thu hút các nhà đầu tư nước ngoài; chỉnh sửa thiết kế phim tài liệu giới thiệu tiềm năng, môi trường, dự án đầu tư cho phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.	740	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
5	Tỉnh đoàn thanh niên	1.255,145	
5.1	Kinh phí triển khai, thực hiện đề án "Tập hợp công nhân lao động và phát triển đoàn viên, hội viên, các tổ chức chính trị xã hội tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030"	887,585	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024

STT	Nội dung	Số tiền	Nguồn kinh phí phân bổ
5.2	Kinh phí triển khai, thực hiện đề án "Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, truyền thống lịch sử, ý thức tuân thủ pháp luật cho thanh thiếu nhi tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023 - 2027"	367,560	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
6	Sở Tư pháp	60	
	Biên soạn tài liệu tuyên truyền chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp, nhà đầu tư đồng thời tổ chức hội nghị tập huấn kiến thức pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.	60	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
7	Sở Xây dựng	3.391,153	
7.1	Cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị trên nền GIS dùng chung tỉnh Bắc Giang	2.468	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
7.2	Cập nhật CSDL quản lý công trình, nhà ở, kinh doanh bất động sản tỉnh Bắc Giang	481,233	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
7.3	Xây dựng Văn bản QPPL quy định chi tiết thực hiện Luật Nhà ở năm 2023	441,920	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
8	Sở Công thương	6.500	
8.1	Kinh phí khuyến công	3.500	Nguồn kinh phí khuyến công đã bố trí dự toán đầu năm 2024
8.2	Kinh phí xúc tiến thương mại	3.000	Nguồn kinh phí xúc tiến thương mại đã bố trí dự toán đầu năm 2024
9	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	110,257	
	Kinh phí triển khai thực hiện tuần tuần lễ văn hóa du lịch tỉnh Bắc Giang năm 2024	110,257	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	355	
	Kinh phí tổ chức gặp mặt tri ân chiến sỹ Điện Biên tại tỉnh Bắc Giang	355	Nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024

**PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ CHO CÁC THÔN
ĐẠT CHUẨN THÔN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU NĂM 2023**

Nguồn Kinh phí phân bổ: Từ nguồn kinh phí thường thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu bố trí dự toán đầu năm 2024: 2.400 triệu đồng; từ nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới: 100 triệu đồng



Kiểm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên huyện, xã	Tên thôn	Số tiền
	TONG CỘNG	125 thôn	2.500
I	Huyện Lục Ngạn	3 thôn	60
1	Xã Hồng Giang	Thôn Kép 2B	20
2	Xã Phi Điền	Thôn Chay	20
3	Xã Trù Hựu	Thôn Sậy	20
II	Huyện Lục Nam	2 thôn	40
1	Xã Nghĩa Phương	Thôn Quỳnh Sành	20
		Thôn Tè	20
III	Huyện Hiệp Hòa	19 thôn	380
1	Xã Danh Thắng	Thôn Đại Đồng 2	20
2	Xã Đại Thành	Thôn Bảo Tân	20
3	Xã Hoàng Vân	Thôn Lạc Yên 2	20
		Thôn Lạc Yên 3	20
4	Xã Hoàng Thanh	Thôn Ngọc cụ	20
5	Xã Hoàng Lương	Thôn Đại Thắng	20
6	Xã Thái Sơn	Thôn Đông Tân	20
7	Xã Thanh Vân	Thôn Thanh Vòng	20
		Thôn Đông Diêm	20
8	Xã Châu Minh	Thôn Ngọ Không	20
9	Xã Hòa Sơn	Thôn Thù Cốc	20
10	Xã Mai Đình	Thôn Đông Trước	20
		Thôn San	20
11	Xã Thường Thắng	Thôn Hiệp Đồng	20
		Thôn Cẩm Trung	20
12	Xã Xuân Cẩm	Thôn Cẩm Bảo	20
		Thôn Xuân Biều	20
13	Xã Đoàn Bái	Thôn Cầu	20
		Thôn Đông	20
IV	Huyện Lạng Giang	19 thôn	380
1	Xã Tân Dĩnh	Thôn Tân Sơn 3	20
2	Xã Tiên Lục	Thôn Trong	20
3	Xã Đào Mỹ	Thôn Ruồng Cái	20
4	Xã Mỹ Thái	Thôn Nguyên	20
5	Xã Tân Hưng	Thôn Nước Giời	20
6	Xã Nghĩa Hòa	Thôn Hồ Thanh	20
7	Xã An Hà	Thôn Hôn Vàng	20
8	Xã Đại Lâm	Thôn Trạng	20
9	Xã Yên Mỹ	Thôn Đông Lạc	20
10	Xã Xương Lâm	Thôn Quyết Thắng 1	20

Đơn vị tính: triệu đồng

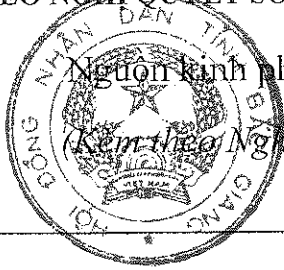
11	Xã Nghĩa Hưng	Thôn Bờ Lỡ	20
12	Xã Quang Thịnh	Thôn Phan Thượng	20
13	Xã Mỹ Hà	Thôn Đụn	20
14	Xã Hương Lạc	Thôn Bền Dưới	20
15	Xã Thái Đào	Thôn Then	20
16	Xã Tân Thanh	Thôn Tuấn Thịnh	20
17	Xã Xuân Hương	Thôn Hương Mãn	20
18	Xã Dương Đức	Thôn Đồng Than	20
19	Xã Hương Sơn	Thôn Phú Lợi	20
V	Huyện Tân Yên	21 thôn	420
1	Xã Việt Ngọc	Thôn Phú Thọ	20
		Thôn Đồng Xứng	20
2	Xã Việt Lập	Thôn Đông Khoát	20
		Thôn Ngọc Trai	20
3	Xã Phúc Hòa	Thôn Cạng	20
		Thôn Địa	20
4	Xã Quang Tiến	Thôn Non Dài	20
5	Xã Ngọc Vân	Thôn Đồng Khanh	20
6	Xã Ngọc Thiện	Thôn Đồng Lạng	20
7	Xã Ngọc Lý	Thôn Tân Lập	20
		Thôn Lý 2	20
8	Xã Ngọc Châu	Thôn Tân Phú	20
9	Xã Liên Sơn	Thôn Đình Chùa	20
10	Xã Liên Chung	Thôn Lãn Tranh 3	20
11	Xã Đại Hóa	Thôn Chúc	20
12	Xã Lan Giới	Thôn Bình Minh	20
		Thôn Chính Lan	20
13	Xã Tân Trung	Thôn Tân Long	20
14	Xã Song Vân	Thôn Đồng Kim	20
		Thôn Đồng Lai	20
15	Xã Cao Xá	Thôn Đồng Lờ	20
VI	Thị xã Việt Yên	38 thôn	760
1	Xã Trung Sơn	Thôn Ái Quang	20
		Thôn Quả	20
		Thôn Đồng	20
		Thôn Nhắm Chợ	20
		Thôn Nguyễn	20
2	Xã Hương Mai	Thôn Đình Sơn	20
		Thôn Xuân Minh	20
		Thôn Đồng Ích	20
3	Xã Tăng Tiến	Thôn Mai Hạ	20
		Thôn Chùa	20
4	Xã Ninh Sơn	Thôn Bầy	20
		Thôn Cao Lôi	20
5	Xã Nghĩa Trung	Thôn Giá Sơn	20
		Thôn Lai	20
		Thôn Trung	20
		Thôn Trung Xuân	20
6	Xã Thượng Lan	Thôn Chung Nghĩa	20
		Thôn Ruồng	20
		Thôn Thượng	20
		Thôn Chăm	20

Đơn vị tính: triệu đồng

		Thôn Hà Thượng	20
		Thôn Nam Ngạn	20
7	Xã Quang Châu	Thôn Đạo Ngạn 1	20
		Thôn Đông Tiến	20
		Thôn Tam Tầng	20
		Thôn Núi Hiều	20
8	Xã Quảng Minh	Thôn Đông Long	20
		Thôn Khả Lý Hạ	20
9	Xã Vân Trung	Thôn Vân Cốc 2	20
10	Xã Tự Lạn	Thôn Cầu	20
		Thôn Nguồn	20
		Thôn Nghĩa Thượng	20
		Thôn Bãi Bằng	20
11	Xã Minh Đức	Thôn Kè	20
		Thôn Bình Minh	20
		Thôn Cầu	20
		Thôn Hậu	20
12	Xã Hồng Thái	thôn Hùng Lâm 1	20
VII	Thành Phố Bắc Giang	2 thôn	40
1	Xã Song Mai	Thôn Phúc Hạ	20
2	Xã Song Khê	Thôn Song Khê 1	20
VIII	Huyện Yên Thế	7 thôn	140
1	Xã Xuân Lương	Bản Nam Cầu	20
2	Xã Đông Tâm	Thôn Đề Thám	20
		Thôn Non Sáu	20
3	Xã An Thượng	Thôn An Châu	20
		Thôn Hồng Lĩnh	20
		Thôn Tân An	20
4	Xã Hồng Kỳ	Bản Làng Ba	20
IX	Huyện Yên Dũng	14 thôn	280
1	Xã Lão Hộ	Thôn Toàn Thắng	20
2	Xã Trí Yên	Thôn Long Khánh	20
3	Xã Tân Liễu	Thôn Liễu Đê	20
		Thôn Hoàng Phúc	20
4	Xã Đông Phúc	Thôn Việt Thắng Làng	20
5	Xã Quỳnh Sơn	Thôn Voi	20
		Thôn Tân Mỹ	20
6	Xã Cảnh Thụy	Thôn Nhất	20
		Thôn Dưới	20
7	Xã Lãng Sơn	Thôn Hồng Sơn	20
8	Xã Đức Giang	Thôn Thanh Vân	20
9	Xã Nội Hoàng	Thôn Trung	20
10	Xã Xuân Phú	Thôn Xuân Đông	20
11	Xã Yên Lư	Thôn Yên Tập Bắc	20

Phụ lục 05

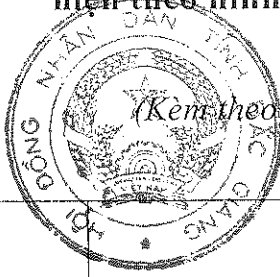
PHÂN BỐ CHI TIẾT KINH PHÍ HỖ TRỢ CÁC SẢN PHẨM HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ THAM GIA ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG LẦN ĐẦU ĐƯỢC CÔNG NHẬN SẢN PHẨM OCOP ĐẠT 3 SAO THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 67/2023/NQ-HĐND NGÀY 13/12/2023 CHO CÁC HUYỆN NĂM 2024



Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí đề án nhiệm vụ mới năm 2024
(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

		Đơn vị tính: triệu đồng
TT	Đơn vị	Số tiền
	Tổng số	4.050
1	UBND huyện Lục Ngạn	1.600
2	UBND huyện Lục Nam	350
3	UBND huyện Sơn Động	850
4	UBND huyện Yên Thế	1.250

Ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi tạm ứng giá trị thanh toán các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT) năm 2023 vào niên độ ngân sách năm 2024



(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung		Dự án Nâng cấp, cải tạo ĐT292 trên địa bàn huyện Lạng Giang	Tổng cộng
I	Ghi thu tiền sử dụng đất	267.659.033.000	30.729.536.000	298.388.569.000
II	Ghi chi tạm ứng giá trị dự án BT đã thanh toán	267.659.033.000	30.729.536.000	298.388.569.000

GHI THU, GHI CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NIÊN ĐỘ 2024 ĐỐI VỚI TIỀN THUẾ ĐẤT, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG
PHẦN ĐẦU TƯ ƯỚNG TRƯỚC CỦA CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2023

(Tính từ 01/01/2023 - 31/12/2023)

Theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của HĐND tỉnh



Stt	Tên tổ chức	Dự án đầu tư	Địa chỉ thửa đất thuê	Chương	Tiểu mục	Tiền Bồi thường GPMB được trừ vào tiền thuê đất thực hiện ghi thu, ghi chi	Đơn vị tính: đồng
1	Ghi thu tiền thuê đất, ghi chi tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước					295.215.817.875	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Đức Long	Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi tại khu vực bãi sỏi Ninh Tào, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	Thôn Ninh Tào, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa	754	3.601	191.968.555	
2	Công ty CP vận tải và TM Lê Gia	Xưởng sửa chữa ô tô	CCN Đại Lâm huyện Lạng Giang	755	3.601	543.750.000	
3	Công ty TNHH TM và dịch vụ Hậu Trang	Cây xăng	Xã Bảo Sơn huyện Lục Nam	755	3.601	588.486.000	
4	Công ty TNHH Kim Tân Minh (lần 2)	Xây dựng trang trại hữu cơ Hiệp Hoà (sản xuất lợn thịt và trứng gà đạt tiêu chuẩn hữu cơ)	Xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa	555	3.605	233.543.835	
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hà Thịnh (Lần 1)	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Hà Thịnh tại xã Hợp Thịnh và xã Đại Thành, huyện Hiệp Hoà	Xã Hợp Thịnh và xã Đại Thành, huyện Hiệp Hoà	555	3.601	28.385.563.680	
6	Hợp tác xã Sản xuất - Kinh doanh nông nghiệp Vĩnh Quang	Dự án xưởng chế biến và bảo quản rau củ	Thôn Thượng, xã Cao Xá, huyện Tân Yên	756	3.601	903.819.000	
7	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Xây dựng Cát Tường (Lần 1)	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Dĩnh Trì	Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang	755	3.601	17.618.504.000	
8	Công ty cổ phần may Đại Lâm (Lần 2)	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất và gia công hàng may mặc xuất khẩu	Xã Đại Lâm, huyện Lạng Giang	555	3.605	715.304.000	
9	Công ty TNHH TM-DV Phúc Thành	Dự án Khu thương mại dịch vụ tổng hợp số 1 Hương Gián	Xã Hương Gián, huyện Yên Dũng	755	3.601	1.559.565.000	
10	Công ty TNHH một thành viên Phương Huệ	Dự án Đầu tư xây dựng khu dịch vụ, thương mại, vui chơi giải trí Phương Huệ	Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	755	3.601	729.933.994	
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Golf Trường An (Lần 1)	Dự án Sân Golf Việt Yên tại xã Trung Sơn và xã Hương Mai, huyện Việt Yên	Xã Trung Sơn và xã Hương Mai, huyện Việt Yên	555	3.601	87.839.925.250	

Stt	Tên tổ chức	Dự án đầu tư	Địa chỉ thửa đất thuê	Chương	Tiểu mục	Tiền Bồi thường GPMB được trừ vào tiền thuế đất thực hiện ghi thu, ghi chi
12	Công ty TNHH Một thành viên DVTM Đức Thịnh	Trung tâm kinh doanh và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô tại xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang	Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang	755	3.601	1.893.000.000
13	Công ty TNHH Kim Tân Minh (lần 2)	Xây dựng trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn hữu cơ và trồng cây lâu năm tại xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa	Xã Quang Minh, huyện Hiệp Hòa	555	3.605	51.517.471
14	Công ty TNHH Thái Dương Bắc Giang (Lần 2)	dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại tổng hợp và kinh doanh xăng, dầu khí hoá lỏng loại II	Xã Trí Yên, huyện Yên Dũng	755	3.601	49.359.000
15	Công ty TNHH một thành viên Tư vấn và Xây dựng Cát Tường (Lần 2)	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Dĩnh Trì	Xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang	755	3.601	12.999.772.000
16	Công ty Cổ phần S&G (Lần 1)	Khu Công nghiệp Vân Trung	Xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng và xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên	551	3.601	129.158.965.000
17	Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Tín Phát (Lần 1)	Nhà máy may mặc Tín Phát	Xã Danh Thắng, huyện Hiệp Hoà	754	3.601	3.014.010.000
18	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp Việt Khoa	Xây dựng cửa hàng kinh doanh xăng dầu loại II	Xã Cao Xá, huyện Tân Yên	755	3.605	69.876.000
19	Công ty TNHH Khai Hồng Việt Nam	Cụm công nghiệp Lan Sơn và Nhà máy nhựa Khai Hồng Việt Nam	Xã Lan Mầu và xã Yên Sơn, huyện Lục Nam	551	3.605	-901.339.000
20	Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tuta, Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai và Công ty Cổ phần Thương mại Rùa Vàng (Lần 1)	Khu đô thị hỗn hợp, giải trí cao cấp tại Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	555	3.605	9.570.294.090
II	Ghi thu tiền sử dụng đất, ghi chi tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước					483.866.128.770
1	Liên danh Công ty cổ phần xây dựng Thành Đô Bắc Giang và Công ty TNHH Ngọc Thơ (Lần 1)	Khu dân cư mới phía Bắc, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	Xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	555	1.401	8.004.556.000
2	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Detect Land (Lần 1)	Khu dân cư số 2 (giai đoạn I), xã Phương Sơn, huyện Lục Nam	Xã Phương Sơn, huyện Lục Nam	554	1.401	30.285.786.000
3	Công ty Cổ Phần Bất Động Sản Detect Land (Lần 2)	Khu dân cư số 2 (giai đoạn I), xã Phương Sơn, huyện Lục Nam	Xã Phương Sơn, huyện Lục Nam	554	1.401	6.675.730.000
4	Công ty Cổ phần địa ốc An Huy (Lần 8)	Dự án Khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	Thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên	755	1.401	2.296.216.000

Stt	Tên tổ chức	Dự án đầu tư	Địa chỉ thửa đất thuê	Chương	Tiểu mục	Tiền Bồi thường GPMB được trừ vào tiền thuê đất thực hiện ghi thu, ghi chi
5	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Lam Sơn (Lần 2)	Dự án KDC số 2, Khu phía Bắc thuộc KĐT Tây Nam, thành phố Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	555	1.401	9.374.244.000
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Hà Nội (Lần 4)	Khu đô thị mới Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang	Phường Mỹ Độ, thành phố Bắc Giang	554	1.401	5.077.583.000
7	Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Tây Bắc vùng 4 và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tây Bắc (Lần 1)	Khu đô thị mới Ninh Khánh, thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	Thị trấn Nénh, huyện Việt Yên	555	1.401	23.801.450.000
8	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hoà Nam (Lần 1)	Khu dân cư mới Nam Tiến, xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng	Xã Đồng Việt, huyện Yên Dũng	555	1.401	21.794.940.000
9	Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ PCCC Phương Nam (Lần 1)	Khu phía Bắc thuộc Khu dân cư số 1 xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	755	1.401	12.707.671.000
10	Công ty TNHH Bắc Giang Land (Lần 1)	Khu đô thị trung tâm xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang	thành phố Bắc Giang	555	1.401	28.235.620.000
11	Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng TMG Lục Nam (Lần 1)	Khu dân cư mới số 1, xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam	xã Thanh Lâm, huyện Lục Nam	555	1.401	23.037.615.000
12	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Thiên An (Lần 1)	Khu dân cư số 2, xã Báo Sơn, huyện Lục Nam	xã Báo Sơn, huyện Lục Nam	555	1.401	26.846.844.000
13	Liên danh Công ty Cổ phần Tập đoàn Tuta, Công ty Cổ phần Thương mại Tuấn Mai và Công ty Cổ phần Thương mại Rùa Vàng (Lần 1)	Khu đô thị hỗn hợp, giải trí cao cấp tại Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	thành phố Bắc Giang	555	1.401	21.699.813.910
14	Công ty TNHH SX TMDV PCCC Phương Nam (lần 2)	Khu phía Bắc thuộc KDC số 1 xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang	755	1.401	3.926.888.000
15	Liên danh Công ty Cp dịch vụ quốc tế Việt Nam, Công ty CPTM và phát triển đô thị Quốc tế và Công ty CPĐT BĐS Phú Mỹ	KĐT mới HH3 thuộc KĐT phía Nam TP Bắc Giang	Xã Tân Tiến, TP Bắc Giang ^{2*}	754	1.401	10.637.308.000
16	Công ty CPĐT xây dựng NHS	KDC xã Tân Hưng huyện Lạng Giang	Xã Tân Hưng huyện Lạng Giang	555	1.401	27.449.274.000
17	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà HUD2 (Lần 1)	Khu dân cư thôn Mầu, xã Thái Đào, huyện Lạng Giang	Xã Thái Đào, huyện Lạng Giang	555	1.401	27.634.464.000
18	Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (Lần 3)	Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang ^{4*}	555	1.401	5.613.070.000

Stt	Tên tổ chức	Dự án đầu tư	Địa chỉ thửa đất thuê	Chương	Tiểu mục	Tiền Bồi thường GPMB được trừ vào tiền thuê đất thực hiện ghi thu, ghi chi
19	Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (Lần 4)	Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	555	1.401	9.713.514.000
20	Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư 379 và Công ty cổ phần - Tổng công ty cơ khí xây dựng Thăng Long (Lần 5)	Khu số 5, số 9 thuộc Khu đô thị phía Nam, thành phố Bắc Giang	Thành phố Bắc Giang	555	1.401	1.955.086.000
21	Công ty TNHH Tân Phát Land (Lần 1)	Dự án Khu đô thị mới phía Đông thị trấn Đồi Ngõ, huyện Lục Nam	Thị trấn Đồi Ngõ, huyện Lục Nam	555	1.401	68.796.801.000
22	Công ty TNHH MTV BT Lạng Giang	KĐT mới phía Đông TT Đồi Ngõ huyện Lục Nam	Thị trấn Đồi Ngõ, huyện Lục Nam	555	1.401	109.111.654.860
23	Liên danh Công ty cổ phần tập đoàn Bách Việt và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Lilama.	Dự án KĐT mới Bách Việt Lake Garden	Thành phố Bắc Giang	555	1.401	-810.000.000
Tổng cộng (I+II):						779.081.946.645